TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 18** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 18-6-2026.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Minh Đạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Nga.

2. Bà Phạm Minh Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thọ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 366/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2026/QĐST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đặng Thị Cẩm T, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: số A, Tổ F, khu phố K, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: Tổ B, khu phố A, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 3 năm 2026 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Đặng Thị Cẩm T trình bày:

Bà Đặng Thị Cẩm T và ông Nguyễn Văn D tự nguyện tìm hiểu, chung sống, có đăng ký kết hôn vào năm 2022 tại UBND phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương (nay phường H, Thành phố Hồ Chí Minh). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau này thì phát sinh mâu thuẫn, không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau do bất đồng quan điểm và mâu thuẫn trong cuộc sống. Ông Nguyễn Văn D không còn chăm lo cho gia đình, đam mê cờ bạc và sa vào tệ nạn xã hội (sử dụng ma túy), không còn chăm lo cho gia đình. Hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hạnh phúc vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phúc An K, sinh ngày 03/12/2022. Sau khi ly hôn, bà Đặng Thị Cẩm T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông Nguyễn Văn D cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; thời điểm bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ông Nguyễn Văn D thống nhất với lời trình bày của bà Đặng Thị Cẩm T về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn. Ông D thừa nhận có những hành vi như lời trình bày của bà T, nguyên nhân là bị ảnh hưởng từ bạn bè ngoài xã hội. Năm 2022 do kinh tế khó khăn, ông D không làm việc được, không có thu nhập nên có sa vào tệ nạn. Ông xác định còn thương vợ, con nên trước yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Đặng Thị Cẩm T, thì ông Nguyễn Văn D không đồng ý.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Do không đồng ý ly hôn nên ông Nguyễn Văn D không có ý kiến về con chung, tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đầy đủ các thủ tục quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vắng mặt là phù hợp. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị khắc phục vi phạm về tố tụng.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đặng Thị Cẩm T khởi kiện ông Nguyễn Văn D yêu cầu ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con chung; bị đơn có nơi cư trú tại phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án tiến hành

xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Cẩm T và ông Nguyễn Văn D chung sống có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của bà T và ông D là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có sự yêu thương tôn trọng lẫn nhau. Ông D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên tòa thể hiện việc không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với bà Tiên đồng T1 các đương sự đều thừa nhận có phát sinh mâu thuẫn trong quá trình chung sống.

Nhận thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm chăm sóc lẫn nhau, việc bà T và ông D là vợ chồng nhưng không còn chung sống, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn cùng chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình như vậy đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình; thuộc trường hợp hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị Cẩm T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đặng Thị Cẩm T và ông Nguyễn Văn D có 01 con chung tên Nguyễn Phúc An K, sinh ngày 03/12/2022. Sau khi ly hôn, bà Đặng Thị Cẩm T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông Nguyễn Văn D cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của bà T là có căn cứ, phù hợp điều kiện học tập, sinh hoạt của cháu An K và quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Do nguyên đơn không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 84, Điều 107, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Cẩm T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về hôn nhân: Bà Đặng Thị Cẩm T được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phúc An K, sinh ngày 03/12/2022 cho bà Đặng Thị Cẩm T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời điểm bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì quyền lợi hợp pháp của con. Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung, quyền và nghĩa vụ dân sự khác của vợ chồng: Các đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0045044 ngày 02/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- UBND phường Hòa Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Minh Đạo